

Bản án số: 630/2025/HS-ST

Ngày: 20/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Lại

Ông Trần Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Đài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Trần Mai Lâm - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bà Khuất Thị Thu Hà - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4155/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2025, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 16986/2025/TB-THS ngày 15 tháng 9 năm 2025, đối với:

Bị cáo: **Trần Văn L**, sinh năm 1983 tại Nam Định (nay là Ninh Bình); Thường trú: Đội 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là: xã H, tỉnh Ninh Bình); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn T (sinh năm 1953) và bà Trần Thị H (sinh năm 1962); là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 69/HSPT ngày 17/12/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (cũ) xử phạt 05 (Năm) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị bắt ngày 30/8/2024, tạm giam tại Trại tạm giam T16 – Bộ C1. (có mặt)

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; Địa chỉ: E Trung tâm đô thị C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường R, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Vũ Mạnh T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: A K, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

2. Ông Bùi Thanh H1, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp E, xã N, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh). (vắng mặt)

3. Ông Đinh Văn Đ1, sinh năm 1981; Địa chỉ: tổ G, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). (vắng mặt)

* *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã C, tỉnh Thanh Hóa). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo hồ sơ vụ án và theo diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2014, đối tượng A T3, người Trung Quốc (chưa rõ lai lịch) đã cấu kết, bàn bạc thống nhất với Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1981, HKTT: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) mở lớp đào tạo bằng hình thức gọi điện thoại lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người Việt Nam, tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Khoảng tháng 10 năm 2014, T4 về Việt Nam rủ các đối tượng: Đinh Văn Đ1 (sinh ngày 10/01/1981, trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); Nguyễn Thị H2 (sinh ngày 05/01/1974, trú tại: Khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh - là phiên dịch); Nguyễn Văn D (sinh ngày 17/5/1975, trú tại: Khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai); Nguyễn Văn T2 (sinh ngày 10/5/1973, trú tại: Tổ E, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai); Trần Văn L (sinh ngày 06/6/1983, trú tại: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); Trần Văn T5 (sinh năm 1981, trú tại: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) và Lê Thị H3 (sinh năm: 1979; trú tại: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa) sang ở tại 01 căn nhà do A T3 thuê tại tỉnh Phúc Kiến Trung Quốc. A T3 và T4 đã in tài liệu hướng dẫn nội dung, phương thức thủ đoạn, cách thức gọi điện thoại về Việt Nam gồm 04 giai đoạn và yêu cầu các đối tượng trên học thuộc để tiến hành lừa đảo, cụ thể như sau:

* Giai đoạn 1 (giả mạo nhân viên tổng đài điện thoại): A Trần phân công, chỉ đạo các đối tượng Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn T2 có nhiệm vụ điện thoại đến các chủ thuê bao có máy điện thoại cố định tại Việt Nam, viện lý do chủ thuê bao đang nợ cước điện thoại là 8.930.000 đồng (là số tiền mặc định), để khai thác thông tin như: họ tên, địa chỉ và số chứng minh nhân dân.... Đồng thời thông báo với chủ thuê bao sẽ có người của cơ quan Công an gọi điện đến để làm việc, sau đó đối tượng giả mạo nhân viên tổng đài chuyển thông tin cho người thực hiện giai đoạn hai, giả mạo Công an.

* Giai đoạn 2 (giả mạo Công an): A Trần phân công chỉ đạo các đối tượng Đinh Văn Đ1, Trần Văn L và Nguyễn Văn D có nhiệm vụ, sau khi tiếp nhận thông tin từ bộ phận tổng đài, sẽ gọi điện thoại cho chủ thuê bao, giới thiệu là công an và thông báo số điện thoại của chủ thuê bao đang liên quan tới đường dây tội

phạm, đồng thời khai thác xem chủ thuê bao có tiền gửi ở các ngân hàng hay không? nếu biết chủ thuê bao có tiền gửi ngân hàng thì bộ phận này chuyển tiếp thông tin đến bộ phận giả mạo công an cấp trên và kiểm sát để thực hiện tiếp.

* Giai đoạn thứ 3 (giả mạo Công an cấp trên, Kiểm sát): A T3 phân công, chỉ đạo Nguyễn Văn T4 có nhiệm vụ, hỏi chủ thuê bao có tiền trong ngân hàng hay không? nếu có, T4 thông báo sẽ “đóng băng” tài khoản trong vòng 18 tháng. Nếu không muốn bị đóng tài khoản và chứng minh là không liên quan đến tội phạm ma túy, rửa tiền, thì phải rút tiền từ tài khoản ngân hàng chuyển vào tài khoản do T4 chỉ định để xác minh trong vòng 24 giờ. Sau đó, T4 yêu cầu bị hại cung cấp số điện thoại di động rồi sử dụng thiết bị kỹ thuật tự động hiển thị số thuê bao của Việt Nam trên màn hình điện thoại của bị hại để liên lạc với bị hại. Thiên sẽ yêu cầu bị hại giữ liên lạc liên tục trong suốt quá trình từ khi họ rút tiền đến lúc gửi tiền vào tài khoản do T4 chỉ định.

* Giai đoạn 4 (rút tiền chiếm đoạt): Do A T3 trực tiếp chỉ đạo, bộ phận này gồm: Z (gọi tắt là E, tức Trịnh Chu Ân, sinh năm 1980, trú tại: thôn N, thị trấn L, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc), Zheng K (gọi tắt là X, tức Trịnh Khả T6, sinh năm 1975, trú tại: số H phố T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc) sang Việt Nam thuê phòng nghỉ ở khách sạn P, số A V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh để làm nhiệm vụ nhận thẻ ATM, đi rút tiền khi đồng bọn lừa đảo được. Lê Thị Á được Nguyễn Thị H2 giới thiệu làm phiên dịch cho E. Ngay sau khi bị hại gửi tiền, A T3 điện thoại cho E (Â) dùng thẻ ATM đến các cây ATM để rút tiền. Rút được tiền xong, E (Â) cùng Á ra chợ M đổi từ tiền Việt Nam đồng sang tiền Nhân dân tệ để chuyển về Trung Quốc cho A T3.

Để có tài khoản lừa các bị hại chuyển tiền vào, T4 thuê Trần Văn L làm thẻ ATM với giá 2.500.000 đồng/01 thẻ. Trần Văn L đã thuê Vũ Mạnh T1 - sinh năm 1983, trú tại A K, khu phố A, phường L, TP ., TP . (là bạn học cấp 2, cùng quê với L) làm thẻ ATM của Ngân hàng S tại Việt Nam, với giá 800.000 đồng (L nói với T1 làm thẻ ATM để sử dụng vào việc chuyển tiền lương về Việt Nam cho người nhà). T1 đã làm được tổng số 08 thẻ ATM, trong đó có 01 thẻ mang tên Bùi Thanh H1 - sinh năm 1989, trú tại Ấp E, Xã N, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi làm thẻ xong, theo chỉ đạo của L, T1 chuyển thẻ ATM về M, Quảng Ninh cho Lê Thị Ánh N, chuyển lại cho E (Â). Sau đó, E (Â) chuyển các thông tin tài khoản này cho A T3 và T4 để sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, A T3, Nguyễn Văn T4 và các đồng phạm đã thực hiện được 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gồm:

(1) Ngày 15/12/2014, các đối tượng gồm: A T3, E (Â), X (Tích) và một số đối tượng (không xác định được) đã lừa đảo chiếm đoạt được 1.200.000.000 đồng của bà Phạm Thị Q (sinh năm 1948, trú tại phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

(2) Ngày 22/12/2014, các đối tượng gồm: A T3, E (Â), T4 và một số đối tượng (không xác định được) đã lừa đảo chiếm đoạt được 1.548.529.000 đồng của

bà Phan Thị H4 (sinh năm 1966, trú tại phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

(3) Ngày 29/12/2014, các đối tượng gồm: A T3, E (Â), X (Tích), T4 và một số đối tượng (không xác định được) đã lừa đảo chiếm đoạt được 916.617.000 đồng của bà Quách Thị L1 (sinh năm 1972, trú tại 2 L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa).

(4) Ngày 14/01/2015, các đối tượng gồm: A T3, E (Â), X (Tích), T4, H2, T2, Đ1, D và Trần Văn L đã lừa đảo chiếm đoạt 150.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1959, trú tại phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), cụ thể như sau:

Sáng ngày 14/01/2015, A T3, Nguyễn Văn T4 cùng Nguyễn Văn T2, Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn D, Trần Văn L, Nguyễn Thị H2... đã thống nhất phân công Nguyễn Văn T2 giả mạo nhân viên tổng đài gọi điện vào số máy điện thoại cố định 0643.837478 của bà Nguyễn Thị Đ, thông báo số thuê bao nhà bà Đ đang nằm trong đường dây ma túy và rửa tiền, hồ sơ đang được Công an điều tra, bà Đ thanh minh, trả lời không làm gì sai. Sau đó, Nguyễn Văn Trung C máy cho Đinh Văn Đ1 giả mạo cán bộ Công an và khẳng định với bà Đ có tài khoản ở ngân hàng A nghi vấn có liên quan đến đường dây ma túy và rửa tiền, vì vậy phải liên hệ với cấp trên để giải quyết. Sau đó, Đ1 chuyển máy điện thoại cho Nguyễn Văn T4 tiếp tục hỏi bà Đ “có mở tài khoản ngân hàng nào chưa? bà Đ cho biết không có tài khoản nào, chỉ có một sổ tiết kiệm tại Ngân hàng V. Nguyễn Văn T4 đã cung cấp cho bà Đ số tài khoản 060095718976 tại Ngân hàng S, Chi nhánh Thành phố H đứng tên Bùi Thanh H1, yêu cầu bà Đ phải chuyển tiền vào tài khoản đó để điều tra, xác minh. Nếu số tiền trong tài khoản không liên quan đến tội phạm thì trong 24 giờ sẽ chuyển trả lại số tiền đó. Bà Đàm T7 thật nên đã đến ngân hàng V chi nhánh V1, làm thủ tục tắt toán sổ tiết kiệm 150 triệu đồng và chuyển vào tài khoản trên. Ngay sau khi biết bà Đ đã chuyển 150 triệu đồng vào tài khoản đứng tên Bùi Thanh H1 trên, A T3 gọi điện thoại cho E (Â) đi rút tiền. Do lúc đó E (Â) không có mặt tại M, nên E (Â) đã điện thoại chỉ chỗ cất thẻ ATM (ở dưới gối trên giường khách sạn P) bảo X (Tích) lấy thẻ đi rút tiền, X đã ra cây ATM của ngân hàng S Móng Cái rút được 30 triệu đồng, thì không rút được nữa, vì lúc đó bà Đ phát hiện bị lừa đảo nên đã báo công an và ngân hàng phong tỏa tài khoản. Do không rút được tiền E (Â) đã điện báo cho A T3, A T3 liền chỉ đạo T4 tìm chủ tài khoản thẻ đi rút nốt tiền. T4 đã yêu cầu Trần Văn L gọi điện thoại cho Vũ Mạnh T1 để T1 bảo Bùi Thanh H1 đi rút nốt 120 triệu đồng. Khoảng 15h ngày 14/01/2015, khi H1 mang chứng minh thư đến ngân hàng S tại quận I, Thành Phố Hồ Chí Minh, để rút tiền thì bị Cơ quan công an phát hiện yêu cầu về trụ sở làm việc. Biết vụ việc bị phát hiện và đồng bọn bị bắt giữ, xử lý, L tiếp tục ở lại các tỉnh Quảng Đông và P, Trung Quốc trốn tránh cho đến ngày 30/8/2024, thì bị bắt theo quyết định truy nã và đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Kết quả điều tra xác định Trần Văn L được Nguyễn Văn T4 trả 20.000.000 đồng từ việc mua bán 08 tài khoản ngân hàng, L đã trả cho Vũ Mạnh T1 6.400.000

đồng, và được hưởng lợi số tiền 13.600.000 đồng (việc này cả T4 và T1 đều không biết) và được A T3 trả cho 3.000 Nhân dân tệ, tương đương 10.296.420 đồng (theo tỷ giá ngày 10/01/2015 là 3.432,14 đồng/Nhân dân tệ).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Gia đình Đinh Văn Đ1 đã tự nguyện trả lại 30 triệu đồng cho bà Nguyễn Thị Đàm . Hiện bà Đ không có yêu cầu bồi thường, đề nghị gì khác.

*** Các vấn đề có liên quan trong vụ án:**

- Các đối tượng: Zheng Z (Trịnh Chu Ân), Nguyễn Văn T4, Zheng K (Trịnh Khả T6), Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D và Đinh Văn Đ1, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 01 và 02/6/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Bản án hình sự phúc thẩm số 590/2018/HSPT ngày 18/10/2018 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt Zheng Z (Trịnh Chu Ân) 14 năm tù; Nguyễn Văn T4 13 năm tù; Zheng K (Trịnh Khả T6) 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nguyễn Văn T2 24 tháng tù; Nguyễn Văn D 24 tháng tù; Đinh Văn Đ1 20 tháng 14 ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Đối với Nguyễn Thị H2 hiện vẫn đang bỏ trốn, Cơ quan điều tra - Bộ C1 đã ra quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can và ra quyết định truy nã đối với H2, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

- Đối với bị can Lê Thị Á được Nguyễn Thị H2 thuê làm phiên dịch cho Z (Â) và Z1 (Tích). Hiện chưa bắt được bị can Nguyễn Thị H2 nên chưa đủ căn cứ để xác định vai trò đồng phạm của Lê Thị Á trong vụ án. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C1 đã ra quyết định tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Lê Thị Á, khi nào bắt được bị can Nguyễn Thị H2 sẽ xem xét xử lý sau.

- Đối với các đối tượng Trần Văn T5 và Lê Thị H3, quá trình điều tra giai đoạn trước đây và giai đoạn phục hồi điều tra hiện nay đều chưa làm rõ được hành vi, vai trò đồng phạm của hai đối tượng này. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C1 không khởi tố hình sự đối với T5 và H3 là có căn cứ.

- Đối với các đối tượng Vũ Mạnh T1 và Bùi Thanh H1, là người được L thuê làm thẻ ATM để bán cho L, nhưng T1, H1 không biết việc các bị can dùng thẻ và tài khoản của mình để thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, các bị can cũng không nói cho T1, H1 biết việc này, nên không có cơ sở để xử lý hình sự đối với T1 và H1.

2. Tại Cáo trạng số 1414/CT-VKSTC-V2 ngày 10 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

3. Tại phiên tòa, trong bản luận tội vị đại diện Viện kiểm sát đã nêu các tình tiết vụ án, tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử:

3.1. Trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L 04 (Bốn) – 05 (Năm) năm tù.

3.2. Trách nhiệm dân sự: không yêu cầu nên không xem xét.

Tịch thu tiền bị cáo Trần Văn L thu lợi bất chính sung vào ngân sách nhà nước gồm: 13.600.000 đồng và 3.000 Nhân dân tệ, tương đương 10.296.420 đồng (theo tỷ giá ngày 10/01/2015 là 3.432,14 đồng/Nhân dân tệ); tổng cộng 23.896.420 đồng.

4. Đối đáp và tranh luận tại phiên tòa: không có ý kiến tranh luận và đối đáp.

5. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

[1] *Về tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Bộ C1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và Điều luật áp dụng:*

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Khoảng tháng 10/2014, Trần Văn L và một số đối tượng khác được Nguyễn Văn T4 rủ rê sang P, Trung Quốc để tham gia nhóm lừa đảo bằng hình thức gọi điện thoại do đối tượng A T3 và T4 đào tạo, tổ chức, tập huấn, hướng dẫn. Ngày 14/01/2015, L đã cùng các đối tượng: A T3, Zheng Z (Á), Zheng K (Tích), Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T2, Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị H2 đồng phạm thực hiện hành vi gọi điện giả danh nhân viên tổng đài bưu điện, Công an, Kiểm sát, lừa đảo chiếm đoạt 150 triệu đồng của bà Nguyễn Thị Đàm. Khi đồng bọn rút được 30 triệu đồng thì bị bà Đ phát hiện và đề nghị cơ quan

chức năng phong tỏa tài khoản. L đã gọi điện yêu cầu Vũ Mạnh T1 liên hệ với Bùi Thanh H1 ra ngân hàng để rút nốt số tiền 120 triệu đồng của bà Đ, thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt giữ.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Trần Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, đúng như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Là công dân trưởng thành, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, bị cáo nhận thức rõ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản là khách thể được pháp luật bảo vệ, phải tôn trọng, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản sẽ bị pháp luật nghiêm trị; nhưng bị cáo vẫn cố ý tham gia cùng các đồng phạm các gọi điện thoại, đưa thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt 150.000.000 đồng của bị hại. Các đồng phạm Zheng Zhu E (Trịnh Chu Ân), Nguyễn Văn T4, Zheng K (Trịnh Khả T6), Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D và Đinh Văn Đ1 đã bị xét xử bằng các bản án có hiệu lực pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo và các đồng phạm là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến khách thể bảo vệ của Luật Hình sự là quyền sở hữu tài sản của công dân; ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương; thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, để đảm bảo tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng ngừa chung, đồng thời nêu cao tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, đã từng có thời gian phục vụ trong quân đội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Truy thu đối với bị cáo Trần Văn L toàn bộ thu nhập bất chính là khoản tiền công A T3 trả cho bị cáo khi đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội, và khoản chênh lệch bị cáo đã hưởng từ việc bị cáo trung gian mua bán trái phép các thông tin tài khoản ngân hàng phục vụ việc phạm tội của các đồng phạm, quy đổi thành tiền Việt Nam là 23.896.420 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

[7] Vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

- Các đồng phạm Zheng Zhu E (Trịnh Chu Ân), Nguyễn Văn T4, Zheng K (Trịnh Khả T6), Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D và Đinh Văn Đ1 đã bị xét xử

bằng Bản án hình sự phúc thẩm số 590/2018/HSPT ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật

- Đối tượng Nguyễn Thị H2 đang bỏ trốn, đối tượng Lê Thị Á được Nguyễn Thị H2 thuê làm phiên dịch cho Z (Â) và Z1 (Tích) trong vụ án chưa đủ căn cứ để xác định vai trò đồng phạm của Lê Thị Á trong vụ án. Cơ quan điều tra - Bộ C1 đã ra quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra và ra quyết định truy nã đối với Nguyễn Thị H2, khi nào bắt được Nguyễn Thị H2 sẽ làm rõ vai trò của Lê Thị Á, xem xét xử lý sau đối với 02 đối tượng này.

- Đối với các đối tượng Trần Văn T5 và Lê Thị H3: Kết quả điều tra chưa làm rõ được hành vi, vai trò đồng phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C1 không khởi tố hình sự đối với T5 và H3 là có căn cứ.

- Đối với các đối tượng Vũ Mạnh T1 và Bùi Thanh H1: mở thẻ ATM tại ngân hàng và bán lại cho Trần Văn L, nhưng không biết Trần Văn L và đồng phạm dùng thẻ ATM để thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có cơ sở.

[7] *Về án phí:*

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo theo luật định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 50, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn L 04 (Bốn) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ các Điều 89, 104, 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; truy thu, sung quỹ nhà nước tiền thu nhập bất chính đối với bị cáo Trần Văn L 23.896.420 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2025), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam T16 – Bộ Công an;
- Trại tạm giam số 01 Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Thị hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Thị hành án hình sự TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu (3): Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ (09).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Minh Bắc